TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2026/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;

Căn cứ các Điều 55, 57 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2026, về "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" của:

Người yêu cầu:

- Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1988

Địa chỉ: C T, tổ E, khu phố F P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Căn cước công dân/ số định danh cá nhân: 0770880032***)

- Bà Lê Thị L1, sinh năm 1990

Địa chỉ: C T, tổ E, khu phố F P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Căn cước công dân/ số định danh cá nhân: 058190000***)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 04/08/2008, nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ việc, các đương sự đều xác nhận trong thời gian chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đến nay do mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên các đương sự thống nhất ly hôn. Do đó căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình ghi nhận việc bà L1, ông L thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L có một con chung Nguyễn Thành L2, sinh ngày 24/01/2008. Khi ly hôn con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L có một con chung Nguyễn Thành L2, sinh ngày 24/01/2008. Khi ly hôn con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 006658 ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Như vậy, bà Lê Thị L1 và ông Nguyễn Thành L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV 12- TP Hồ Chí Minh;
- UBND phường Bà Rịa;
- Phòng THADS KV 12- TP Hồ Chí Minh;
- TAND TP Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hoàng Bảo Ngọc